

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Trần Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Dẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 21/8/2020, đối với bị cáo:

Đàm Xuân H, sinh ngày 06/8/1998; tại: xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm T và bà Đặng Thị N; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03/6/2020 đến ngày 09/6/2020 thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người làm chứng: Anh Võ Đại D, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 55 phút ngày 27/5/2020, Đàm Xuân H đi bộ từ nhà mình đến nhà của anh Trịnh Văn T với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, H quan sát thấy cửa nhà của anh T không khoá, H đã đột nhập vào trong nhà theo lối cửa sau và đi thẳng lên phòng ngủ của anh Túc. H thấy trên giường có ba người đang ngủ và bên cạnh có hai chiếc điện thoại di động. H đi đến lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsun A7, màu vàng đồng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F11 màu tím, rồi đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ ngày 30/5/2020 H mang chiếc điện thoại Samsun A7, đến tiệm điện thoại Đ ở xã T để phá khoá và đưa về sử dụng. Ngày 31/5/2020 H tiếp tục mang chiếc điện thoại di động OPPO F11 đến tiệm điện thoại Đ để bán nhưng chủ tiệm điện thoại không mua, nên H đã đem về nhà cất giấu. Đến ngày 03/6/2020 H đang ở nhà của mình thì lực lượng Công an huyện Q mời lên làm việc và thu giữ 02 điện thoại thì H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Q đã có kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsun A7, màu vàng đồng có giá tại thời điểm tháng 5/2020 là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu tím có giá tại thời điểm tháng 5/2020 là 3.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản theo định giá của cơ quan chuyên môn là 6.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsun A7, màu vàng đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu tím đã qua sử dụng. Ngày 24/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động nói trên cho chủ sở hữu là anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Trịnh Văn T và bị cáo Đàm Xuân H thỏa thuận bồi thường thiệt hại 500.000 đồng. Bị cáo chấp nhận và đã bồi thường đầy đủ cho phía bị hại.

Tại Cáo trạng số: 33/CT – VKSQT ngày 10 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Đàm Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đàm Xuân H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Xuân H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; về vật chứng và trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm; về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật đồng ý với bản luận tội mà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa công bố và không có gì tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Xuân H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện: theo đó, vào lúc khoảng 23 giờ 55 phút ngày 27 tháng 5 năm 2020 bị cáo đã lợi dụng đêm khuya, lén lút vào nhà của anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị H ở thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản 02 chiếc điện thoại. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo định giá của cơ quan chuyên môn là 6.500.000 đồng. Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là phù hợp và thống nhất với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đàm Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thấy:

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên có sức khỏe, có đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình,

nhưng do ham chơi, lười lao động nên đã dẫn đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về điểm, khoản, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đàm Xuân H được cải tạo, giáo dục tại địa phương là cũng đủ nghiêm và thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 14/6/2020 bị cáo Đàm Xuân H và người bị hại anh Trịnh Văn T đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại với số tiền 500.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện Q đã thu giữ 02 chiếc điện thoại và đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Buộc bị cáo Đàm Xuân H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Đàm Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Đàm Xuân H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại mà bị cáo Đàm Xuân H phải chấp hành là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đàm Xuân H do bị cáo thu nhập không ổn định.

Giao bị cáo Đàm Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đàm Xuân H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- THADS huyện Q;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

